

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DSST
Ngày 12-8-2022
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng;

Bà Đặng Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 471/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 586/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Q, trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng;

2. Chị Nguyễn Thị Thanh T, trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng;

3. Chị Nguyễn Thị Hương G, trú tại: Đường K, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng;

4. Anh Nguyễn Mạnh P, trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng;

Là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trịnh Thị T, trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng (bà T chết ngày 14 tháng 7 năm 2021).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Hương G và anh Nguyễn Mạnh P là: Ông Phạm Xuân G, trú tại: Cụm Y, xã G, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Ông Trịnh Văn A, nơi ĐKHKTT: Tầng C, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1- Bà Trịnh Thị N, địa chỉ: Số A, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2- Bà Trịnh Thị P, địa chỉ: đường T, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3- Ông Trịnh Văn Đ, địa chỉ: Số nhà T, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

4- Bà Đoàn Thị N, nơi ĐKHKTT: Tầng C, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

5- Bà Đào Thị C, trú tại: Số nhà T, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

6- Ông Phạm Xuân G, trú tại: Cụm Y, xã G, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

7- Văn phòng Công chứng Bùi Văn D; địa chỉ: Số nhà A, khu phố S, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn D - Trưởng Văn phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 11 năm 2021, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Hương G và anh Nguyễn Mạnh P là ông Phạm Xuân G trình bày:

Cụ Trịnh Văn A (tức Trịnh Văn Á) có 02 người vợ là cụ Đỗ Thị L và cụ Đỗ Thị D.

Cụ Trịnh Văn A và cụ Đỗ Thị L sinh được 02 người con là: Bà Trịnh Thị T (chết năm 1938 khi đó tròn 5 tuổi) và bà Trịnh Thị T.

Cụ Trịnh Văn A và cụ Đỗ Thị D sinh được 5 người con là: Bà Trịnh Thị N, ông Trịnh Văn G (đã chết), ông Trịnh Văn A, bà Trịnh Thị P và ông Trịnh Văn Đ.

Ngoài ra cụ Trịnh Văn A, cụ Đỗ Thị L và cụ Đỗ Thị D không còn người con chung và người con nuôi nào khác.

Cụ Trịnh Văn A chết năm 2000, cụ Đỗ Thị D chết năm 2003, cụ Đỗ Thị L chết năm 2011 đều không để lại di chúc. 03 cụ có tài sản chung là diện tích đất thửa số 25 và toàn bộ tài sản trên đất và diện tích đất thửa số 27, tờ bản đồ 270-D-II tại thôn L; xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Nguồn gốc đất do cha ông để lại cho cụ ông Trịnh Văn A.

Năm 2014, bà Trịnh Thị T khởi kiện ông Trịnh Văn A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị L là diện tích đất tại thửa số 25 là 482m² và thửa số 27 là 139m², tờ bản đồ 270-D-II, địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 58/2015/DS-PT ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trịnh Thị T về chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị L, bà Trịnh Thị T được quyền sử dụng 305m² đất tại thửa số 27, tờ bản đồ 270-D-II thôn L; xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng và bà T đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất tại thửa số 27 còn lại là 139m². Do thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với di sản của cụ Trịnh Văn A và cụ Đỗ Thị D đã hết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Năm 2020, Nhà nước mở rộng đường 362 thu hồi một phần diện tích đất thửa số 25, đền bù số tiền là 173.400.424 đồng và một phần diện tích đất thửa số 27 đền bù số tiền là 93.165.200 đồng. Tổng số tiền đền bù là 266.565.624đ (Hai trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm hai tư đồng). Do các anh chị em bà T không thống nhất được việc phân chia tiền đền bù nên kho bạc Nhà nước An Lão quản lý số trên trên.

Năm 2021 bà T khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Trịnh Văn A và cụ Đỗ Thị D là diện tích đất 621m² bao gồm diện tích đất 482m² tại thửa đất số 25, tờ bản đồ 270 -D-II, địa chỉ tại thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng và toàn bộ tài sản trên đất có 02 nhà cấp 4 (01 căn nhà 02 gian lợp ngói và 01 căn nhà cấp 4 làm nhà thờ chung), công trình phụ, bể nước, tường bao, cây cối. Toàn bộ công trình trên đất là tài sản của các cụ xây dựng để lại do nguồn tiền Nhà nước đền bù do thu hồi một phần diện tích đất của thửa số 25 được số tiền là 76.000.000 đồng, ông A là người nhận tiền đền bù và tu sửa vào 02 căn nhà trên, ngoài ra không có người con nào phải bỏ tiền ra tu sửa nhà của các cụ, hiện vợ chồng ông A đang

quản lý, sử dụng. Diện tích đất 139m² thuộc thửa số 27 tờ bản đồ 270 -D-II, địa chỉ tại thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng là đất ao trũng, trên đất không có vật kiến trúc, cây cối gì, ông A lấy tiền đền bù do Nhà nước làm đường thu hồi đất của thửa số 27 để san lấp ao và số tiền Nhà nước đền bù do mở rộng đường năm 2020 thu hồi một phần đất của thửa 25 và thửa 27 là 266.565.624đ (hai trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm hai tư đồng). Thực tế kết quả đo đạc hiện trạng diện tích thửa đất số 25 là 431m² và thửa đất số 27 là 133m². Ngày 28 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng thụ lý đơn khởi kiện của bà Trịnh Thị T đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Trịnh Văn A và cụ Đỗ Thị D. Ngày 14 tháng 7 năm 2021, bà Trịnh Thị T chết, ông Q, chị T, chị G và anh P là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà T rút đơn khởi kiện. Ngày 10 tháng 11 năm 2021, ông Q, chị T, chị G và anh P khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản thừa kế của cụ Trịnh Văn A và cụ Đỗ Thị D cho 05 người là bà Trịnh Thị N, ông Trịnh Văn A, bà Trịnh Thị T, bà Trịnh Thị P và ông Trịnh Văn Đ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trịnh Văn A trình bày: Thống nhất với phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về họ tên bố mẹ, anh chị em ruột và chia di sản thừa kế của cụ Trịnh Văn A và cụ Đỗ Thị D là diện tích đất tại thửa số 25 là 431m² và thửa số 27 là 133m² tại thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng (theo số đo đạc hiện trạng đất của Hội đồng định giá tài sản ngày 14 tháng 01 năm 2022 và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11 tháng 3 năm 2022) . Trên thửa đất số 25 có tài sản gồm 02 gian nhà cấp 4 lợp ngói đỏ rộng khoảng 20m², công trình phụ và 02 gian nhà cấp 4 lợp ngói đỏ diện tích khoảng 20m², 01 bể nước khoảng 04 khối là công trình của vợ chồng ông Trịnh Văn Đ, bà Đào Thị C xây dựng ở cùng các cụ. Đến năm 2005 vợ chồng ông Đ chuyển lên K ở chỉ còn cụ L ở diện tích đất thửa số 25. Năm 2006 Nhà nước làm đường thu hồi một phần diện tích đất tại thửa đất 25 và được đền bù số tiền 76.000.000 đồng (gồm tiền đền bù đất và công trình xây dựng trên đất). Ông là người trực tiếp nhận tiền đền bù, gia đình anh em thống nhất trả tiền cho vợ chồng Đ + C xây dựng công trình phụ, tường bao...trên đất là 36.000.000 đồng. Số tiền đền bù còn lại 40.000.000 đồng, do nhà các cụ xuống cấp ông xây lại nhà và công trình phụ, hệ thống thoát nước và xây cổng, tường rào, tôn sân và vườn, tổng chi phí hết 120.000.000 đồng. Vợ chồng ông bỏ thêm 80.000.000 đồng để xây dựng. Tại thửa đất số 27 là ao trũng nên khoảng năm 2008, ông và vợ là bà Đoàn Thị N đã bỏ tiền ra san lấp mặt bằng hết số tiền 75.000.000 đồng.

Năm 2014, bà Trịnh Thị T khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị L. Tòa án nhân dân huyện An Lão xét xử sơ thẩm, bà T không đồng ý đã kháng cáo bản án. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết xác định tài sản chung của 03 cụ Trịnh Văn A, cụ Đỗ Thị L và cụ Đỗ Thị D là 926m² đất gồm thửa đất số 25 là 482m²

và thửa đất số 27 là 139m², tờ bản đồ 270- D-II. Do thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ Trịnh Văn A và cụ Đỗ Thị D hết thời hiệu khởi kiện nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xác định tài sản chung chia đều cho 03 cụ. Cụ Đỗ Thị L được hưởng 1/3 giá trị tài sản tương đương 305m² đất, bà T là con duy nhất của cụ L được nhận 305m² đất tại thửa số 27, tờ bản đồ 270-D-II. Tài sản chung còn lại của cụ Trịnh Văn A và cụ Đỗ Thị D là 621m² đất gồm 482m² tại thửa số 25 và 139m² tại thửa số 27. Thực tế anh em ông có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cụ Đỗ Thị L là mẹ đẻ bà T như mẹ đẻ của mình và không tính toán với bà T đã được hưởng toàn bộ tài sản của cụ L là 305m² đất. Đối với bà T không có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cụ Đỗ Thị D là mẹ đẻ của anh chị em ông bất cứ ngày nào nên bà T không có quyền hưởng di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị D. Vì vậy phần di sản của cụ Đỗ Thị D những người được hưởng gồm con đẻ của cụ D là bà N, ông, ông Đ và bà P.

Năm 2021, Nhà nước mở rộng đường 362 và thu hồi một phần diện tích đất của thửa số 25 đền bù số tiền là 173.400.424 đồng và thửa đất số 27 đền bù số tiền là 93.165.200 đồng. Tổng cộng là 266.565.642 đồng hiện Kho bạc An Lão đang quản lý.

Năm 2008, vợ chồng ông san lấp ao thửa đất số 27 số tiền là 75.000.000đ tính giá trị tương đương 50m² đất, ông tự nguyện nhập vào khối tài sản chung của cụ A và cụ D mục đích anh em trong gia đình giữ lại là nơi thờ cúng nhưng năm 2021 bà Trịnh Thị T lại tiếp tục khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Trịnh Văn A và cụ Đỗ Thị D nên ông A đề nghị trả vợ chồng ông công sức san lấp ao thửa đất số 27 tương đương 50m² đất. Đối với số tiền 80.000.000 đồng vợ chồng ông bỏ ra xây dựng, tu sửa nhà, công trình thửa đất số 25, nay vợ chồng ông có đơn trình bày không yêu cầu hoàn trả.

Nay ông Nguyễn Văn Q và các con của bà T, ông Q là Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Hương G và Nguyễn Mạnh P có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Trịnh Văn A và cụ Đỗ Thị D đối với diện tích đất tại thửa số 25 và tài sản trên đất và diện tích đất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 270-D-II, địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng và số tiền Nhà nước đền bù là 266.565.642 đồng cho những người được hưởng tài sản thừa kế là bà T, bà N, ông A, bà P và ông Đ. Quan điểm của ông đề nghị tòa án giải quyết trả cho vợ chồng ông công sức lấp ao tương đương 50m² đất và đề nghị tòa án giải quyết vụ án chia tài sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trịnh Thị N có lời khai trình bày: Thống nhất với lời khai của ông Trịnh Văn A về họ tên bố mẹ, anh chị em ruột và chia di sản thừa kế của cụ Trịnh Văn A và cụ Đỗ Thị D. Bà T không phải con cụ D vì bà T không chăm sóc, nuôi dưỡng cụ D. Bà N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Bà Trịnh Thị P có lời khai trình bày: Thống nhất với lời khai của ông Trịnh Văn A về họ tên bố mẹ, anh chị em ruột và chia di sản thừa kế của cụ Trịnh Văn A và cụ Đỗ Thị D. Bà T không phải con cụ D vì bà T không nuôi dưỡng cụ D. Bà P đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Ông Trịnh Văn Đ có lời khai trình bày: Thống nhất với lời khai của ông Trịnh Văn A về họ tên bố mẹ, anh chị em ruột và trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng của bà T đối cụ D. Ông Đ không đồng ý chia di sản thừa kế của cụ A và cụ D, đề nghị giữ nguyên như hiện trạng để anh em ông làm nơi thờ cúng tổ tiên. Trường hợp Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế thì ông đề nghị gộp lại tài sản 02 thửa số 25 và số 27 như ban đầu tổng diện tích là 926m² để chia đều cho 5 người con gồm bà N, bà P, bà T, ông A và ông với diện tích đất còn lại (đã trừ đi phần diện tích đất Nhà nước đã thu hồi) và gộp toàn bộ số tiền Nhà nước đã thu hồi bao gồm cả số tiền bà T đã nhận đền bù và số tiền hiện tại Kho bạc Nhà nước đang quản lý để chia đều cho 05 người con của 03 cụ. Đối với tài sản vợ chồng ông xây dựng là ngôi nhà 02 gian hiện đang làm nơi thờ cúng các cụ và 01 bể nước, đề nghị Tòa án xác định giá trị, ai được chia phần có tài sản của vợ chồng ông xây dựng thì phải tính trị giá trả cho vợ chồng ông.

- Bà Đào Thị C trình bày: Thống nhất với lời khai của ông Đ về phần tài sản vợ chồng bà xây dựng trên thửa đất số 25, đề nghị Tòa án tính trị giá công trình trả cho vợ chồng bà.

- Bà Đoàn Thị N có lời khai thể hiện: Thống nhất với lời khai của ông Trịnh Văn A về việc vợ chồng bỏ ra số tiền 75.000.000 đồng san lấp ao thửa số 27 tương đương bằng 50m² đất và số tiền 80.000.000 đồng đã bỏ ra xây dựng công trình trên thửa đất số 25. Bà có đơn trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết trả lại vợ chồng bà số tiền 80.000.000 đồng đã bỏ ra xây dựng công trình trên thửa đất số 25. Bà đề nghị trả cho vợ chồng bà công sức lấp ao thửa số 27 tương đương 50m² đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân G trình bày: Ngày 25 tháng 6 năm 2020, ông và bà Trịnh Thị T có lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản với nội dung: Ông G được toàn quyền quản lý, sử dụng 70m² đất thổ cư nằm trong tổng diện tích đất 139m² tại thửa đất 27, tờ bản đồ 270-D-II, địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, diện tích đất 139m² thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của bà Trịnh Thị T. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, văn bản thỏa thuận phân chia tài sản giữa ông và bà T đã được Văn phòng công chứng Bùi Văn D công chứng theo đúng quy định của pháp luật. Ông G đề nghị Tòa án giải quyết.

- Văn phòng Công chứng Bùi Văn D có ý kiến: Ngày 25 tháng 6 năm 2020, công chứng viên Bùi Văn D đã thực hiện công chứng văn bản thỏa thuận phân chia tài sản giữa bà Trịnh Thị T, địa chỉ; Thôn T, xã A, huyện A, Hải phòng và anh

Phạm Xuân G, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn A, G, V, Hải Phòng. Bà Trịnh Thị T có xuất trình cho Văn phòng công chứng tài liệu chứng minh diện tích đất 139m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 270-D-II, địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Trịnh Thị T theo bản án số 58/2015/DS-PT ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Công chứng viên Bùi Văn D đã thực hiện công chứng văn bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 25 tháng 6 năm 2020 là đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa có quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Xuân G, bị đơn là ông Trịnh Văn A đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung khởi kiện: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 628, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; Điều 57 Luật công chứng; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị hủy Điều 2 văn bản thỏa thuận phân chia tài sản giữa bà Trịnh Thị T và ông Phạm Xuân G thực hiện công chứng tại Văn phòng công chứng Bùi Văn D ngày 25 tháng 6 năm 2020; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản thừa kế của cụ A và cụ D cho ông Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Hương G, anh Nguyễn Mạnh P. Ông Q, chị T, chị G và anh P là những người được hưởng thừa kế phần di sản thừa kế của bà T là 50,4m² đất và tổng số tiền Nhà nước đền bù và vật kiến trúc trên đất là 45.842.094 đồng. Trả cho vợ chồng ông A công san lấp áp là 50m² đất và công sức trông coi di sản là 10m² đất. Ông A được hưởng thừa kế phần di sản thừa kế là 173,4m²; bà N, bà P và ông Đ mỗi người được hưởng thừa kế phần di sản thừa kế là 113,4m²; tổng số tiền Nhà nước đền bù và vật kiến trúc trên đất ông A, bà N, bà P và ông Đ mỗi người được hưởng là 103.144.712 đồng. Căn cứ vào hiện trạng và vị trí diện tích đất chia cho những người được hưởng thừa kế phù hợp. Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ông Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Hương G và anh Nguyễn Mạnh P là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trịnh Thị T có đơn khởi kiện tranh chấp chia di sản thừa kế đối với bị đơn là ông Trịnh Văn A có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tầng C, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thụ lý giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 12 tháng 7 năm 2022. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị P và Văn phòng công chứng Bùi Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Trịnh Văn Đ và Bà Đoàn Thị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[3] Về yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Hương G và anh Nguyễn Mạnh P là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trịnh Thị T.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Trịnh Văn A (tức Á) và cụ Đỗ Thị L là bố mẹ đẻ của bà T. Cụ Trịnh Văn A và cụ Đỗ Thị D là bố mẹ đẻ của bà N, ông A, bà P và ông Đ. Cụ Trịnh Văn A chết năm 2000, cụ Đỗ Thị D chết năm 2003 và cụ Đỗ Thị L chết năm 2011 đều không để lại di chúc. Năm 2014, bà T có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị L. Căn cứ Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "*Thời hiệu khởi kiện để người thừa kế yêu cầu chia di sản... là mười năm kể từ thời điểm mở thừa kế...*". Như vậy bà T yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị L đã được giải quyết xong tại bản án dân sự phúc thẩm số 58/2015/DS-PT ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Đối với di sản thừa kế của cụ Trịnh Văn Á và cụ Đỗ Thị D do đã hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế và cũng không có ai yêu cầu chia tài sản chung do vậy Tòa án không xem xét giải quyết. Ngày 10 tháng 11 năm 2021, ông Q, chị T, chị G và anh P là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trịnh Thị T có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Trịnh Văn A và cụ Đỗ Thị D. Căn cứ vào Điều khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*1. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, ... kể từ thời điểm mở thừa kế...*". Như vậy ông Q, chị T, chị G và anh P yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trịnh Văn A và cụ Đỗ Thị D là còn thời hiệu.

[5] Căn cứ vào Bản án dân sự phúc thẩm số 58/2015/DS-PT ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xác định sau khi trừ đi chi

phí lắp ao là 75.480.000 đồng và giá trị vật kiến trúc có trên đất là 59.884.447 đồng thì tổng giá trị di sản của 03 cụ còn lại là 1.373.404.447 đồng nên phần giá trị di sản của mỗi cụ là 457.801.482 đồng tương đương với 305m². Phần di sản của cụ L do bà T được hưởng thừa kế duy nhất là 305m² đất tại thửa số 27. Phần tài sản còn lại là 139m² đất thửa số 27 và 482m² đất thửa số 25 cùng vật kiến trúc trên đất là di sản của cụ A và cụ D. Tại biên bản xem xét thẩm định, tại chỗ và định giá tài sản ngày 14 tháng 01 năm 2022 và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11 tháng 3 năm 2022, đo đạc hiện trạng diện tích đất thửa số 27 còn lại là 133m²; diện tích đất tại thửa số 25 còn lại là 431m² và tài sản trên đất gồm: Nhà số 1 của vợ chồng ông Trịnh Văn Đ, bà Đào Thị C xây dựng + Nhà số 2 và công trình phụ là tài sản của cụ Âm và cụ D được xác định giá trị còn lại 60% là: 343.100.399 đồng, trừ giá trị nhà số 1 + 01 bể nước của vợ chồng ông Đ, bà C xây dựng trị giá là 160.225.092 đồng. Như vậy nhà số 1 và công trình phụ của 02 cụ A và cụ D trị giá là 182.875.308 đồng; cây cối trên đất giá trị là 8.980.000 đồng và số tiền Nhà nước đền bù là 266.565.642 đồng.

[6] Ông Trịnh Văn A và vợ bà Đoàn Thị N có đơn đề nghị không yêu cầu trả vợ chồng ông số tiền 80.000.000 đồng bỏ ra xây dựng tu sửa công trình tại thửa đất số 25 từ năm 2008 nên không xem xét. Ông A, bà Ngán đề nghị trả công sức lắp ao thửa đất số 27 tương đương 50m² đất. Xét thấy đây là trị giá công sức vợ chồng ông A san lấp ao tại thửa đất số 27 hiện nằm trong di sản thừa kế của cụ A và cụ D và các anh chị em ông A xác nhận là đúng thực tế nên được cần chấp nhận. Ông A là người quản lý, có công sức tu tạo, giữ gìn khối tài sản của cụ A và cụ D từ năm 2015 đến nay, cần tính công sức trả cho ông A một khoản tiền tương đương với giá trị quyền sử dụng đất là $10m^2 \times 15.000.000đ/m^2 = 150.000.000$ đồng.

[7] Ngày 25 tháng 6 năm 2020, bà Trịnh Thị T và ông Phạm Xuân G lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản và thực hiện việc công chứng tại văn phòng công chứng Bùi Văn D với nội dung ghi tại Điều 2 của Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản: "1. Ông Phạm Xuân G được toàn quyền quản lý, sử dụng 70m² đất thổ cư nằm trong tổng diện tích 139m² (tại thửa đất số 2, tờ bản đồ số 270 - D - II, địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng) đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...."; "2. Ông Phạm Xuân G, được toàn quyền quản lý, sử dụng và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên theo quy định của pháp luật; 3. Bà Trịnh Thị T không còn quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan đến diện tích đất đã thỏa thuận phân chia cho ông Phạm Xuân G nêu trên". Căn cứ vào Bản án số 58/2015/DS-PT ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xác định diện tích đất 139m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 270 - D - II, địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng là di sản thừa kế của cụ A và cụ D hiện đang tranh chấp trong vụ án mà nguyên đơn khởi kiện chia di sản

thừa kế. Diện tích đất 139m^2 không thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà T nên bà T không có quyền chuyển nhượng, phân chia cho ông Phạm Xuân G 70m^2 đất trong tổng diện tích đất 139m^2 . Vì vậy văn bản thỏa thuận phân chia tài sản lập ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa bà Trịnh Thị T và ông Phạm Xuân G không có giá trị pháp lý và Hợp đồng công chứng Bùi Văn D thực hiện không đúng theo quy định của pháp luật cần tuyên bố hủy một phần (Điều 2) Hợp đồng công chứng của Văn phòng công chứng Bùi Văn D lập ngày 25 tháng 6 năm 2020.

[8] Xác định di sản của cụ Trịnh Văn A và cụ Đỗ Thị D gồm: Diện tích là 564m^2 tính trừ 50m^2 giá trị công sức của ông A lấp ao thừa số 27 và 10m^2 đất công sức ông A tu tạo, giữ gìn tài sản của cụ A và cụ D. Như vậy diện tích đất còn lại 504m^2 đất, giá trị đất là: $504\text{m}^2 \times 15.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 7.560.000.000$ đồng; vật kiến trúc trên đất thừa số 25 trị giá là 182.875.308 đồng và cây cối trị giá là 8.980.000 đồng; tiền Nhà nước đền bù là 266.565.642 đồng. Tổng di sản thừa kế của cụ A và cụ D là 8.018.420.950đ (tám tỷ không trăm mười tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn chín trăm bốn mươi đồng); trong đó diện tích đất cụ A, cụ D mỗi người là $504 : 2 = 252\text{m}^2$, trị giá tài sản trên đất và công trình phụ + trị giá cây cối của mỗi cụ là: $(182.875.308 + 8.980.000) : 2 = 95.927.654\text{đ}$, tiền Nhà nước đền bù của mỗi cụ là: $266.565.642 : 2 = 133.282.821\text{đ}$. Căn cứ vào Điều 649 và Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế của cụ Trịnh Văn A và cụ Đỗ Thị D theo quy định của pháp luật.

[9] Những người được hưởng di sản của cụ A và cụ D: Căn cứ vào tài liệu xác minh cho thấy khi cụ D còn sống, cụ D không nuôi dưỡng bà T và bà T không có trách nhiệm, công sức chăm sóc cụ D. Vì vậy phần di sản của cụ A được chia cho 05 người gồm: Bà T, bà N, ông A, bà P và ông Đ. Phần di sản của cụ D được chia cho 04 người gồm: Bà N, ông A, bà P và ông Đ.

[9.1] Về đất, vật kiến trúc trên đất và tiền Nhà nước đền bù của cụ A được chia cho 05 người gồm: Bà T, bà N, ông A, bà P và ông Đ, mỗi người được chia diện tích đất là $50,4\text{m}^2$; trị giá vật kiến trúc trên đất là 19.185.530đ; tiền Nhà nước đền bù là 26.656.564đ. Bà T được hưởng tài sản thừa kế của cụ A tổng trị giá là 801.842.094 đồng.

[9.2] Về đất, vật kiến trúc trên đất và tiền Nhà nước đền bù của cụ D được chia cho 04 người gồm: Bà N, ông A, bà P và ông Đ, mỗi người được chia diện tích đất là 63m^2 ; phần giá trị vật kiến trúc trên đất là 23.981.913đ; tiền Nhà nước đền bù là 33.320.705đ. Như vậy ông A, bà N, bà P và ông Đ mỗi người được chia diện tích đất là $113,4\text{m}^2 \times 15.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 1.701.000.000\text{đ}$; vật kiến trúc trên đất là 43.167.443đ; tiền Nhà nước đền bù là 59.977.269đ. Tổng cộng ông A, bà N, bà P và ông Đ mỗi người được hưởng tài sản thừa kế của cụ A và cụ D trị giá là 1.804.144.712 đồng.

[10] Căn cứ vào thực tế hiện trạng đất và tài sản thừa kế của cụ A và cụ D để lại, chia cho bà T 53m² đất tại thửa số 27; tiền vật kiến trúc trên đất + tiền Nhà nước đền bù. Bà T được nhận tài sản trị giá là 795.000.000 đồng. Diện tích đất của bà T được chia dư so với diện tích đất bà T được hưởng thừa kế là 2,6m². Như vậy tài sản thừa kế của bà T còn thiếu so với tài sản được chia là: 801.842.094đ - 795.000.000đ = 6.842.000 đồng làm tròn số. Bà T đã chết ngày 14 tháng 7 năm 2021 nên ông Q, chị T, chị G và anh P là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trịnh Thị T được hưởng tài sản thừa kế của bà Trịnh Thị T.

[11] Ông A hiện đang quản lý, sử dụng diện tích đất 117,8m² tại thửa số 25, trên đất có 01 nhà xây cấp 4, công trình phụ trị giá là 182.875.307đ; 07 cây cau trị giá 1.400.000đ, 02 cây Mù Chôm trị giá 650.000đ, 01 cây Nhãn trị giá 470.000đ, nên chia cho ông A phần nhà đất trên. Tính cho ông A công sức tu tạo, giữ gìn tài sản thừa kế của Am và cụ D một khoản tiền tương đương với giá trị quyền sử dụng đất là 10m². Trả ông A, bà Ngân 50m² đất chi phí san lấp ao thửa số 27. Như vậy diện tích đất thửa số 27 còn lại 20m² nên chia tách nhỏ diện tích đất còn lại cho các đồng thừa kế khác sử dụng không phù hợp nên giao cho ông A được sử dụng. Ông A được nhận tổng diện tích đất là: 197,8m². Tài sản ông A được nhận dư so với tài sản thừa kế được chia: 2.252.395.308đ - 1.804.144.712đ = 448.250.596 đồng. Ông A có trách nhiệm thanh toán giá trị di sản cho đồng thừa kế khác.

[12] Ông Đ được chia diện tích đất 133,2m² tại thửa số 25, trên đất có 01 nhà xây 33,55m², mái lợp ngói đỏ là tài sản của ông Đ, bà C xây dựng được trả lại, 07 cây cau trị giá 1.400.000đ. Ông Đ được nhận tài sản dư so với tài sản thừa kế được chia là: 1.999.400.000đ - 1.804.144.712đ = 195.255.288 đồng. Ông Đ có trách nhiệm thanh toán giá trị di sản cho đồng thừa kế khác.

[13] Bà P được chia diện tích đất 90m² tại thửa số 25, trên đất có 08 cây cau trị giá 1.600.000đ, 02 cây mít trị giá 440.000đ, 01 cây Nhãn trị giá 100.000đ và 01 bể nước của ông Đ, bà C xây dựng. Bà P được nhận tài sản trị giá là: 1.352.140.000 đồng, bà P được nhận tiền Nhà nước đền bù là 133.282.821 đồng. Bà P được nhận tài sản thừa kế là 1.485.422.821 đồng. Tài sản thừa kế bà P được chia còn thiếu là 318.712.891 đồng. Bà P được nhận trị giá di sản của đồng thừa kế khác trả sang. Bà P có trách nhiệm thanh toán trị giá 01 bể nước trả cho ông Đ, bà C.

[14] Bà N được chia diện tích đất 90m² tại thửa 25, trên đất có 04 cây cau trị giá 800.000đ, 01 cây ổi trị giá 120.000đ, 35 cây chuối trị giá 2.000.000đ. Bà N được nhận tài sản là 1.352.920.000 đồng. Bà N được nhận tiền Nhà nước đền bù là 133.282.821 đồng. Bà N được nhận tài sản thừa kế là 1.486.202.812 đồng. Tài sản thừa kế của bà N được chia còn thiếu là: 317.941.891 đồng, bà N được nhận trị giá di sản của đồng thừa kế khác trả sang.

[15] Về chi phí thẩm định và định giá tài sản tranh chấp: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã nộp chi phí thẩm định và định giá tài sản là 5.623.000đ (năm triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng) và nhận nộp toàn bộ số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản không yêu cầu tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Về án phí:

[16.1] Ông Trịnh Văn A, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị P, và bà Đoàn Thị N, đều trên 60 tuổi theo quy định của Luật người cao tuổi. Các ông, bà trên có đơn xin được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên các ông bà trên thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[16.2] Ông Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Hương G và anh Nguyễn Mạnh P phải chịu một suất án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản thừa kế của bà T được chia là 801.842.044đ (gồm 36.000.000đ + (3% x 1.842.044đ) = 36.055.000 đồng làm tròn số (ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

[16.3] Ông Trịnh Văn Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản thừa kế được chia là 1.804.144.308đ (gồm 36.000.000đ + (3% x 804.144.308đ) = 60.124.000đ làm tròn số (sáu mươi triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 651; Điều 660 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Hủy Điều 2 văn bản thỏa thuận phân chia tài sản giữa bà Trịnh Thị T và ông Phạm Xuân G do Văn phòng công chứng Bùi Văn D xác nhận ngày 25 tháng 6 năm 2020.

2- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Hương G và anh Nguyễn Mạnh P là người

kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trịnh Thị T về việc chia di sản thừa kế của cụ Trịnh Văn A (tức Trịnh Văn Á) và cụ Đỗ Thị D.

+ Giao cho ông Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Hương G và anh Nguyễn Mạnh P là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trịnh Thị T được quyền sử dụng 53m² đất tại thửa số 27, tờ bản đồ số 270- D-II, đất có vị trí từ mốc 5, 6, 1, 2.

+ Giao cho ông Trịnh Văn A được quyền sử dụng 117,8m² đất tại thửa số 25, tờ bản đồ số 270- D-II, trên đất có 01 nhà xây có diện tích 35,75m², mái lợp ngói xi măng và công trình phụ, đất có vị trí từ mốc 2, 15, 16, 17, 18, 1 và 80m² đất tại thửa số 27, tờ bản đồ số 270- D-II, đất có vị trí từ mốc 4, 5, 2, 3.

+ Giao cho ông Trịnh Văn Đ được quyền sử dụng 133,2m² đất tại thửa số 25, tờ bản đồ số 270- D-II, đất có vị trí từ mốc 2, 3, 13, 14.

+ Giao cho bà Trịnh Thị P được quyền sử dụng 90m² đất tại thửa số 25, tờ bản đồ số 270- D-II, đất có vị trí từ mốc 3, 4, 10, 12, 13.

+ Giao cho bà Trịnh Thị N được quyền sử dụng 90m² đất tại thửa số 25, tờ bản đồ số 270- D-II, đất có vị trí từ mốc 4, 5, 9, 10.

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Các đương sự có quyền đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định của Bản án.

Bà Trịnh Thị N và bà Trịnh Thị P mỗi người được nhận số tiền Nhà nước đền bù do thu hồi đất là 133.282.821đ (một trăm ba mươi ba triệu hai trăm tám mươi hai nghìn tám trăm hai mươi một đồng).

Ông Trịnh Văn A có trách nhiệm trả cho Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Hương G và anh Nguyễn Mạnh P là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trịnh Thị T số tiền 6.842.000đ (sáu triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Ông Trịnh Văn A có trách nhiệm trả cho bà Trịnh Thị N số tiền 317.941.000đ (ba trăm mười bảy triệu chín trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Ông Trịnh Văn A có trách nhiệm trả cho bà Trịnh Thị P số tiền 123.466.000đ (một trăm hai mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Ông Trịnh Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà Trịnh Thị P số tiền 195.255.000đ (một trăm chín mươi năm triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Bà Trịnh Thị P có trách nhiệm thanh toán trả ông Trịnh Văn Đ và bà Đào Thị C giá trị 01 bể nước là 13.924.000đ (mười ba triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

3- Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trịnh Văn A, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị P.

Ông Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Hương G và anh Nguyễn Mạnh P là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trịnh Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 36.055.000đ (ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 93.300.000đ (chín mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001127 ngày 13 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Hoàn trả lại ông Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Hương G và anh Nguyễn Mạnh P số tiền chênh lệch là 57.245.000đ (năm mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Ông Trịnh Văn Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 60.124.000đ (sáu mươi triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

4- Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Cục THADS huyện An Lão;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn

